

# **TÀI LIỆU TUYÊN TRUYỀN VỀ NGHỊ ĐỊNH SỐ 08/2020/NĐ-CP CỦA CHÍNH PHỦ VỀ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA THỪA PHÁT LẠI TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Ngày 08/01/2020, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 08/2020/NĐ-CP về tổ chức và hoạt động Thừa phát lại, có hiệu lực thi hành từ ngày 24/02/2020.

## **I. QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT VỀ THỪA PHÁT LẠI**

### **1. Khái niệm về Thừa phát lại**

Thừa phát lại là người có đủ tiêu chuẩn được Nhà nước bổ nhiệm để thực hiện tổng đạt, lập vi bằng, xác minh điều kiện thi hành án dân sự, tổ chức thi hành án dân sự theo quy định của Nghị định số 08/2020/NĐ-CP của Chính phủ và pháp luật có liên quan

*Điều kiện bổ nhiệm:*

- Là công dân Việt Nam không quá 65 tuổi, thường trú tại Việt Nam, chấp hành tốt Hiến pháp và pháp luật, có phẩm chất đạo đức tốt.
- Có bằng tốt nghiệp đại học hoặc sau đại học chuyên ngành luật.
- Có thời gian công tác pháp luật từ 03 năm trở lên tại các cơ quan, tổ chức sau khi đã có bằng tốt nghiệp đại học hoặc sau đại học chuyên ngành luật.
- Tốt nghiệp khóa đào tạo, được công nhận tương đương đào tạo hoặc hoàn thành khóa bồi dưỡng nghề Thừa phát lại quy định tại Điều 7 của Nghị định số 08/2020/NĐ-CP của Chính phủ.
- Đạt yêu cầu kiểm tra kết quả tập sự hành nghề Thừa phát lại.
- Không kiêm nhiệm hành nghề công chứng, luật sư, thẩm định giá, đấu giá tài sản, quản lý, thanh lý tài sản.

*Thẩm quyền bổ nhiệm:* Bộ trưởng Bộ Tư pháp bổ nhiệm Thừa phát lại trên cơ sở đề nghị của Sở Tư pháp.

*Hình thức hành nghề:* Thừa phát lại hành nghề dưới hình thức Văn phòng Thừa phát lại, Văn phòng Thừa phát lại do 01 Thừa phát lại thành lập được tổ chức theo loại hình doanh nghiệp tư nhân. Văn phòng Thừa phát lại do 02 Thừa phát lại trở lên thành lập được tổ chức theo loại hình công ty hợp danh. Văn phòng Thừa phát lại có trụ sở, con dấu và tài khoản riêng, hoạt động theo nguyên tắc tự chủ về tài chính. Con dấu của Văn phòng Thừa phát lại không có hình quốc huy. Văn phòng Thừa phát lại được khắc và sử dụng con dấu sau khi được cấp Giấy đăng ký hoạt động. Thủ tục, hồ sơ đăng ký mẫu con dấu, việc quản lý, sử dụng con dấu của Văn phòng Thừa phát lại được thực hiện theo quy định của pháp luật về con dấu. Chế độ tài chính của Văn phòng Thừa phát lại được thực hiện theo chế độ tài chính của loại hình doanh nghiệp tương ứng theo quy định của pháp luật.

### **2. Những công việc Thừa phát lại được làm**

**2.1. Tổng đạt giấy tờ, hồ sơ, tài liệu của Tòa án, Viện Kiểm sát nhân dân, Cơ quan Thi hành án dân sự và các giấy tờ, hồ sơ, tài liệu có liên quan đến tương trợ tư pháp trong lĩnh vực dân sự của cơ quan có thẩm quyền nước ngoài**

### **a) Khái niệm**

Tổng đạt là việc Thừa phát lại thực hiện thông báo, giao nhận các văn bản, giấy tờ của Tòa án, Viện Kiểm sát nhân dân, Cơ quan Thi hành án dân sự và các giấy tờ, hồ sơ, tài liệu có liên quan đến tương trợ tư pháp trong lĩnh vực dân sự của cơ quan có thẩm quyền nước ngoài theo quy định của pháp luật.

**b) Tại Thành phố Hồ Chí Minh, Thừa phát lại được thực hiện tổng đạt giấy tờ, hồ sơ, tài liệu của:**

- Tòa án nhân dân Thành phố và 24 Tòa án nhân dân quận, huyện.
- Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố và 24 Viện Kiểm sát nhân dân quận, huyện.
- Cục Thi hành án dân sự Thành phố và 24 Chi cục Thi hành án dân sự quận, huyện.
- Cơ quan có thẩm quyền nước ngoài có liên quan đến tương trợ tư pháp.

### **c) Phương thức lựa chọn Văn phòng Thừa phát lại thực hiện tổng đạt**

- Thừa phát lại tổng đạt giấy tờ, hồ sơ, tài liệu của Tòa án, Viện kiểm sát nhân dân trong việc giải quyết các vụ việc dân sự, vụ án hành chính, việc dân sự trong vụ án hình sự và khiếu nại, tố cáo; tổng đạt giấy tờ, hồ sơ, tài liệu của cơ quan thi hành án dân sự trên địa bàn cấp tỉnh nơi Văn phòng Thừa phát lại đặt trụ sở theo hợp đồng dịch vụ tổng đạt được ký kết giữa Văn phòng Thừa phát lại với Tòa án, Viện kiểm sát nhân dân, cơ quan thi hành án dân sự.

- Bộ Tư pháp lựa chọn một hoặc một số Văn phòng Thừa phát lại để thực hiện việc tổng đạt giấy tờ, hồ sơ, tài liệu có liên quan đến tương trợ tư pháp trong lĩnh vực dân sự của cơ quan có thẩm quyền nước ngoài.

**d) Trình tự, thủ tục:** Thừa phát lại thực hiện tổng đạt theo quy định của Nghị định số 08/2020/NĐ-CP của Chính phủ, pháp luật về tố tụng, kiểm sát và tương trợ tư pháp.

## **2.2. Lập vi bằng**

### **a) Khái niệm**

Vi bằng là văn bản ghi nhận sự kiện, hành vi có thật do Thừa phát lại trực tiếp chứng kiến, lập theo yêu cầu của cá nhân, cơ quan, tổ chức. Thừa phát lại được lập vi bằng ghi nhận các sự kiện, hành vi có thật theo yêu cầu của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong phạm vi toàn quốc.

### **b) Giá trị pháp lý của vi bằng do Thừa phát lại lập**

Vi bằng là nguồn chứng cứ để Tòa án xem xét khi giải quyết vụ việc dân sự và hành chính theo quy định của pháp luật; là căn cứ để thực hiện giao dịch giữa các cơ quan, tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật. Vi bằng không thay thế văn bản công chứng, văn bản chứng thực, văn bản hành chính khác. Trong quá trình đánh giá, xem xét giá trị chứng cứ của vi bằng, nếu thấy cần thiết, Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân có thể triệu tập Thừa phát lại, cơ quan, tổ chức, cá nhân khác để làm rõ tính xác thực của vi bằng. Thừa phát lại, cơ quan, tổ chức, cá nhân khác phải có mặt khi được Tòa án, Viện kiểm sát nhân dân triệu tập.

### **c) Hình thức của vi bằng**

Vi bằng được lập bằng văn bản tiếng Việt, có nội dung chủ yếu sau đây:

- Tên, địa chỉ Văn phòng Thừa phát lại; họ, tên Thừa phát lại lập vi bằng;
- Địa điểm, thời gian lập vi bằng;
- Họ, tên, địa chỉ người yêu cầu lập vi bằng;
- Họ, tên người tham gia khác (nếu có);
- Nội dung yêu cầu lập vi bằng; nội dung cụ thể của sự kiện, hành vi được ghi nhận;
- Lời cam đoan của Thừa phát lại về tính trung thực và khách quan trong việc lập vi bằng;
- Chữ ký của Thừa phát lại, dấu Văn phòng Thừa phát lại, chữ ký hoặc dấu điểm chỉ của người yêu cầu, người tham gia khác (nếu có) và người có hành vi bị lập vi bằng (nếu họ có yêu cầu).
- Vi bằng có từ 02 trang trở lên thì từng trang phải được đánh số thứ tự; vi bằng có từ 02 tờ trở lên phải được đóng dấu giáp lai giữa các tờ; số lượng bản chính của mỗi vi bằng do các bên tự thỏa thuận.
- Kèm theo vi bằng có thể có các tài liệu chứng minh; trường hợp tài liệu chứng minh do Thừa phát lại lập thì phải phù hợp với thẩm quyền, phạm vi lập vi bằng.

Như vậy, một vi bằng hoàn chỉnh gồm: vi bằng lập (bắt buộc) và hình ảnh, băng hình, các tài liệu chứng minh khác kèm theo (nếu có).

#### **d) Thẩm quyền, phạm vi lập vi bằng của Thừa phát lại**

Thừa phát lại được lập vi bằng ghi nhận các sự kiện, hành vi có thật theo yêu cầu của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong phạm vi toàn quốc, trừ các trường hợp sau:

- Thừa phát lại không được lập vi bằng liên quan đến quyền, lợi ích của bản thân Thừa phát lại và những người thân thích của Thừa phát lại, bao gồm: Vợ, chồng, con đẻ, con nuôi; cha đẻ, mẹ đẻ, cha nuôi, mẹ nuôi, ông nội, bà nội, ông ngoại, bà ngoại, bác, chú, cậu, cô, dì và anh, chị, em ruột của Thừa phát lại, của vợ hoặc chồng của Thừa phát lại; cháu ruột mà Thừa phát lại là ông, bà, bác, chú, cậu, cô, dì.

- Vi phạm quy định về bảo đảm an ninh, quốc phòng bao gồm: Xâm phạm mục tiêu về an ninh, quốc phòng; làm lộ bí mật nhà nước, phát tán tin tức, tài liệu, vật phẩm thuộc bí mật nhà nước; vi phạm quy định ra, vào, đi lại trong khu vực cấm, khu vực bảo vệ, vành đai an toàn của công trình an ninh, quốc phòng và khu quân sự; vi phạm quy định về bảo vệ bí mật, bảo vệ công trình an ninh, quốc phòng và khu quân sự.

- Vi phạm đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình theo quy định tại Điều 38 của Bộ luật Dân sự; trái đạo đức xã hội.

- Thừa phát lại không được lập vi bằng việc xác nhận nội dung, việc ký tên trong hợp đồng, giao dịch mà pháp luật quy định thuộc phạm vi hoạt động công chứng, chứng thực; xác nhận tính chính xác, hợp pháp, không trái đạo đức xã hội của bản dịch giấy tờ, văn bản từ tiếng Việt sang tiếng nước ngoài hoặc từ tiếng nước ngoài sang tiếng Việt; xác nhận chữ ký, bản sao đúng với bản chính.

- Thừa phát lại không được lập vi bằng ghi nhận các sự kiện, hành vi để chuyển quyền sử dụng, quyền sở hữu đất đai, tài sản không có giấy tờ chứng minh quyền sử dụng, quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

- Thừa phát lại không được lập vi bằng ghi nhận các sự kiện, hành vi để thực hiện các giao dịch trái pháp luật của người yêu cầu lập vi bằng.

- Thừa phát lại không được lập vi bằng ghi nhận sự kiện, hành vi của cán bộ, công chức, viên chức, sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân, viên chức quốc phòng trong cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân, sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ trong cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân đang thi hành công vụ.

- Ghi nhận sự kiện, hành vi không do Thừa phát lại trực tiếp chứng kiến.

- Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

### **đ) Thủ tục lập vi bằng**

Khi có nhu cầu lập vi bằng, cá nhân, cơ quan, tổ chức liên hệ với Trưởng Văn phòng Thừa phát lại để thỏa thuận bằng văn bản về việc lập vi bằng với các nội dung chủ yếu sau đây: nội dung vi bằng cần lập, địa điểm, thời gian lập vi bằng, chi phí lập vi bằng và các thỏa thuận khác (nếu có). Thỏa thuận lập vi bằng được lập thành 02 bản, mỗi bên giữ 01 bản.

Thừa phát lại phải trực tiếp chứng kiến, lập vi bằng và chịu trách nhiệm trước người yêu cầu và trước pháp luật về vi bằng do mình lập. Việc ghi nhận sự kiện, hành vi trong vi bằng phải khách quan, trung thực. Trong trường hợp cần thiết, Thừa phát lại có quyền mời người làm chứng chứng kiến việc lập vi bằng. Người yêu cầu phải cung cấp đầy đủ, chính xác các thông tin, tài liệu liên quan đến việc lập vi bằng (nếu có) và chịu trách nhiệm về tính chính xác, hợp pháp của các thông tin, tài liệu cung cấp.

Khi lập vi bằng, Thừa phát lại phải giải thích rõ cho người yêu cầu về giá trị pháp lý của vi bằng. Người yêu cầu phải ký hoặc điểm chỉ vào vi bằng. Vi bằng phải được Thừa phát lại ký vào từng trang, đóng dấu Văn phòng Thừa phát lại và ghi vào sổ vi bằng được lập theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định. Vi bằng phải được gửi cho người yêu cầu và được lưu trữ tại Văn phòng Thừa phát lại theo quy định của pháp luật về lưu trữ như đối với văn bản công chứng.

Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc việc lập vi bằng, Văn phòng Thừa phát lại phải gửi vi bằng, tài liệu chứng minh (nếu có) đến Sở Tư pháp nơi Văn phòng Thừa phát lại đặt trụ sở để vào sổ đăng ký. Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được vi bằng, Sở Tư pháp phải vào sổ đăng ký vi bằng. Như vậy, theo Nghị định số 08/2020/NĐ-CP, Sở Tư pháp chỉ thực hiện việc vào Sổ đăng ký vi bằng và giá trị pháp lý của vi bằng không phụ thuộc việc vào Sổ đăng ký vi bằng.

## **2.3. Xác minh điều kiện thi hành án**

### **a) Khái niệm**

Xác minh điều kiện thi hành án là việc Thừa phát lại tiến hành xác minh tài sản, thu nhập của người phải thi hành án để thi hành nghĩa vụ về tài sản của người phải thi hành án trong quá trình tổ chức thi hành án.

### **b) Thẩm quyền, phạm vi xác minh điều kiện thi hành án**

Thừa phát lại xác minh điều kiện thi hành án theo yêu cầu của đương sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong trường hợp vụ việc đó thuộc thẩm quyền thi hành của các cơ quan thi hành án dân sự trên địa bàn cấp tỉnh nơi Văn phòng Thừa phát lại đặt trụ sở. Khi thực hiện việc xác minh điều kiện thi hành án, Thừa phát lại có quyền xác minh ngoài địa bàn cấp tỉnh nơi Văn phòng Thừa phát lại đặt trụ sở.

### **c) Thỏa thuận về xác minh điều kiện thi hành án của Thừa phát lại**

Đương sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến việc thi hành án có quyền thỏa thuận với Văn phòng Thừa phát lại về việc xác minh điều kiện thi hành án của người phải thi hành án kể cả trong trường hợp vụ việc đó đang do cơ quan thi hành án dân sự trực tiếp tổ chức thi hành. Trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, Thừa phát lại được quyền xác minh điều kiện thi hành án liên quan đến việc thi hành án mà vụ việc đó thuộc thẩm quyền thi hành của Cục Thi hành án dân sự Thành phố và 24 Chi cục Thi hành án dân sự quận, huyện. Thỏa thuận về xác minh điều kiện thi hành án giữa người yêu cầu và Văn phòng Thừa phát lại được ký kết dưới hình thức hợp đồng dịch vụ, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- Nội dung cần xác minh, trong đó nêu cụ thể yêu cầu xác minh thông tin về tài sản, thu nhập hoặc điều kiện thi hành án của người phải thi hành án;
- Thời gian thực hiện xác minh;
- Quyền, nghĩa vụ của các bên;
- Chi phí xác minh;
- Các thỏa thuận khác (nếu có).

Khi thỏa thuận với Văn phòng Thừa phát lại về xác minh điều kiện thi hành án, đương sự phải cung cấp bản án, quyết định của Tòa án và các tài liệu khác có liên quan (nếu có); người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến việc thi hành án phải cung cấp tài liệu chứng minh có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trực tiếp đến việc thực hiện quyền, nghĩa vụ thi hành án của đương sự.

### **d) Thủ tục xác minh điều kiện thi hành án**

Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày ký kết hợp đồng dịch vụ, Trưởng Văn phòng Thừa phát lại phải ra quyết định xác minh điều kiện thi hành án, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác. Quyết định xác minh phải ghi rõ căn cứ, nội dung xác minh và được ghi vào sổ xác minh điều kiện thi hành án được lập theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định.

Quyết định xác minh phải được gửi cho Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện nơi Văn phòng Thừa phát lại đặt trụ sở và cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền thi hành án theo quy định của pháp luật thi hành án dân sự.

Việc xác minh điều kiện thi hành án được thực hiện trực tiếp hoặc bằng văn bản đề nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin.

Khi trực tiếp xác minh, Thừa phát lại xuất trình giấy giới thiệu của Văn phòng Thừa phát lại, Thẻ Thừa phát lại kèm theo các tài liệu có liên quan và phải công bố quyết định xác minh hoặc quyết định thi hành án trong trường hợp Văn phòng Thừa phát lại tổ chức thi hành án; lập biên bản về việc xác minh. Biên bản

phải có chữ ký của Thừa phát lại, người cung cấp thông tin, xác nhận của cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin. Nếu chưa thực hiện được ngay việc cung cấp thông tin thì phải ghi rõ lý do trong biên bản. Biên bản được lập thành 02 bản, mỗi bên giữ 01 bản.

Trong trường hợp cần thiết, Thừa phát lại có quyền mời cơ quan chuyên môn hoặc chuyên gia để làm rõ các nội dung cần xác minh.

Trường hợp xác minh bằng văn bản thì văn bản đề nghị cung cấp thông tin phải có các nội dung sau đây:

- Căn cứ đề nghị cung cấp thông tin bao gồm: Tên bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật; Quyết định xác minh, bản sao văn bản thỏa thuận xác minh về điều kiện thi hành án; Quyết định thi hành án trong trường hợp Văn phòng Thừa phát lại tổ chức thi hành án;

- Thông tin về người phải thi hành án bao gồm: Tên, địa chỉ trụ sở chính của người phải thi hành án là tổ chức; họ, tên, địa chỉ nơi cư trú của người phải thi hành án là cá nhân và các thông tin cần thiết khác;

- Các thông tin đề nghị cung cấp trong phạm vi, thẩm quyền của Thừa phát lại quy định tại Nghị định này;

- Thời điểm, thời hạn cung cấp thông tin;

- Các thông tin khác có liên quan.

Văn bản đề nghị cung cấp thông tin kèm theo các tài liệu liên quan được gửi cho cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin, đồng thời gửi Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện nơi Văn phòng Thừa phát lại đặt trụ sở. Trường hợp thực hiện xác minh ngoài địa bàn cấp tỉnh nơi Văn phòng Thừa phát lại đặt trụ sở thì Thừa phát lại phải đồng thời gửi cho Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện nơi thực hiện xác minh. Các quy định khác của pháp luật thi hành án dân sự được áp dụng trong việc xác minh điều kiện thi hành án của Thừa phát lại.

#### **2.4. Tổ chức thi hành các Bản án, Quyết định của Tòa án**

##### **a) Thẩm quyền thi hành án dân sự của Thừa phát lại**

Thừa phát lại được quyền tổ chức thi hành án theo yêu cầu của đương sự đối với các bản án, quyết định sau đây:

- Bản án, quyết định sơ thẩm đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án nhân dân quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh và tương đương (sau đây gọi là Tòa án nhân dân cấp huyện); bản án, quyết định sơ thẩm đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án nhân dân cấp tỉnh nơi Văn phòng Thừa phát lại đặt trụ sở;

- Bản án, quyết định phúc thẩm của Tòa án nhân dân cấp tỉnh nơi Văn phòng Thừa phát lại đặt trụ sở đối với bản án, quyết định sơ thẩm chưa có hiệu lực pháp luật của Tòa án nhân dân cấp huyện; bản án, quyết định phúc thẩm của Tòa án nhân dân cấp cao đối với bản án, quyết định sơ thẩm, chưa có hiệu lực pháp luật của Tòa án nhân dân cấp tỉnh nơi Văn phòng Thừa phát lại đặt trụ sở;

- Quyết định giám đốc thẩm, tái thẩm của Tòa án nhân dân cấp cao đối với bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án nhân dân cấp huyện, Tòa án nhân dân cấp tỉnh nơi Văn phòng Thừa phát lại đặt trụ sở.

Thừa phát lại không tổ chức thi hành phần bản án, quyết định thuộc diện Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự chủ động ra quyết định thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 36 của Luật Thi hành án dân sự.

### **b) Quyền yêu cầu thi hành án**

Cùng một nội dung yêu cầu, cùng một thời điểm, người yêu cầu chỉ có quyền làm đơn yêu cầu một Văn phòng Thừa phát lại hoặc một cơ quan thi hành án dân sự tổ chức thi hành án. Trường hợp người được thi hành án được thi hành nhiều khoản khác nhau trong cùng một bản án, quyết định do một người có nghĩa vụ thi hành thì cùng một thời điểm, người được thi hành án chỉ có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự hoặc một Văn phòng Thừa phát lại tổ chức thi hành. Nếu các khoản được thi hành do nhiều người khác nhau có nghĩa vụ thi hành thì người được thi hành án có quyền đồng thời yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự, Văn phòng Thừa phát lại thi hành riêng đối với từng khoản. Trong cùng một bản án, quyết định có nhiều người được thi hành án mà trong đó có người yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự tổ chức thi hành, có người yêu cầu Văn phòng Thừa phát lại tổ chức thi hành thì cơ quan thi hành án dân sự và Văn phòng Thừa phát lại phải phối hợp với nhau trong thi hành án. Thời hiệu, thủ tục yêu cầu thi hành án thực hiện theo quy định của pháp luật thi hành án dân sự.

### **c) Thỏa thuận về việc tổ chức thi hành án**

Thỏa thuận về việc tổ chức thi hành án giữa người yêu cầu thi hành án và Văn phòng Thừa phát lại được thể hiện dưới hình thức hợp đồng dịch vụ và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- Ngày, tháng, năm yêu cầu thi hành án;
- Các khoản yêu cầu thi hành theo bản án, quyết định;
- Trách nhiệm của Văn phòng Thừa phát lại trong việc thực hiện yêu cầu thi hành án theo ủy quyền;
- Chi phí, phương thức thanh toán;
- Các thỏa thuận khác (nếu có).

Hợp đồng được lập thành 02 bản, mỗi bên giữ 01 bản. Sau khi ký kết hợp đồng, Văn phòng Thừa phát lại phải vào sổ thi hành án được lập theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định.

### **d) Trình tự, thủ tục tổ chức thi hành án**

Thừa phát lại thực hiện các thủ tục về thi hành án theo quy định của Nghị định số 08/2020/NĐ-CP của Chính phủ và pháp luật thi hành án dân sự.

## **3. Chi phí thực hiện công việc của Thừa phát lại**

Chi phí thực hiện công việc của Thừa phát lại được ghi nhận trong hợp đồng giữa Văn phòng Thừa phát lại và người yêu cầu.

- Chi phí tổng đạt giấy tờ, hồ sơ, tài liệu của Tòa án, Viện kiểm sát nhân dân, cơ quan thi hành án dân sự do Tòa án, viện kiểm sát nhân dân, cơ quan thi hành án dân sự thỏa thuận với Văn phòng Thừa phát lại trong hợp đồng.

- Chi phí tổng đạt giấy tờ, hồ sơ, tài liệu có liên quan đến tương trợ tư pháp trong lĩnh vực dân sự của cơ quan có thẩm quyền nước ngoài do Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định.

- Chi phí lập vi bằng và xác minh điều kiện thi hành án do người yêu cầu và Văn phòng Thừa phát lại thỏa thuận theo công việc thực hiện hoặc theo giờ làm việc.

- Đối với việc tổ chức thi hành án, Văn phòng Thừa phát lại được thu chi phí theo mức phí thi hành án dân sự do pháp luật về phí, lệ phí quy định. Những vụ việc phức tạp, Văn phòng Thừa phát lại và người yêu cầu thi hành án có thể thỏa thuận về mức chi phí thực hiện công việc.

Văn phòng Thừa phát lại có trách nhiệm niêm yết chi phí thực hiện công việc và thu đúng chi phí đã thỏa thuận với người yêu cầu.

## **II. TÌNH HÌNH TỔ CHỨC CỦA CÁC VĂN PHÒNG THỪA PHÁT LẠI**

Hiện nay, tại Thành phố Hồ Chí Minh có 11 Văn phòng Thừa phát lại đang hoạt động với tổng số 109 Thừa phát lại, 89 thư ký nghiệp vụ và 61 nhân viên khác. Danh sách các Văn phòng Thừa phát lại trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh:

<b>STT</b>	<b>Tên Văn phòng</b>	<b>Địa chỉ trụ sở</b>	<b>Trưởng Văn phòng</b>	<b>Điện thoại</b>
1	Văn phòng Thừa phát lại Quận 1	87 (tầng trệt) Nguyễn Du, phường Bến Nghé, Quận 1	Nguyễn Thị Hạnh	(028) 38.206.999
2	Văn phòng Thừa phát lại Quận 5	805 Trần Hưng Đạo, Phường 1, Quận 5	Phạm Quang Giang	(028) 39.246.808
3	Văn phòng Thừa phát lại Quận 8	789A Tạ Quang Bửu, Phường 5, Quận 8	Vũ Thị Trường Hạnh	(028) 38.523.999
4	Văn phòng Thừa phát lại Quận 10	137 đường 3 tháng 2, Phường 11, Quận 10	Nguyễn Văn Thắng	(028) 38.336.566
5	Văn phòng Thừa phát lại quận Thủ Đức	24 (tầng trệt) Khổng Tử, phường Bình Thọ, quận Thủ Đức	Nguyễn Tiến Pháp	(028) 37.228.198
6	Văn phòng Thừa phát lại quận Tân Bình	526A Cộng Hòa, Phường 13, quận Tân Bình	Nguyễn Anh Tuấn	(028) 38.103.090
7	Văn phòng Thừa phát lại quận Gò Vấp	22A Nguyễn Thái Sơn, Phường 3, quận Gò Vấp	Vũ Thị Hoa	(028) 35.882.257
8	Văn phòng Thừa phát lại quận Bình Thạnh	19R Nguyễn Hữu Cảnh, Phường 19, quận Bình Thạnh	Lê Mạnh Hùng	(028) 35.144.533
9	Văn phòng Thừa phát lại quận Bình Tân	179 Tên Lửa, phường Bình Trị Đông B, quận Bình Tân	Trần Thị Thùy Linh	(028) 62.602.274
10	Văn phòng Thừa phát lại huyện Bình Chánh	E5/6A Nguyễn Hữu Trí, Khu phố 5, thị trấn Tân Túc, huyện Bình Chánh	Phan Tho	(028) 62.515.688
11	Văn phòng Thừa phát lại huyện Hóc Môn	1/9 Ấp Đình, xã Tân Xuân, huyện Hóc Môn	Lê Hữu Hạnh	(028) 37.101.173